

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
THOÁT NƯỚC HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025  
MST: 0200149705**



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**Chủ tịch và Ban Giám đốc**

Chủ tịch và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Quang Quỳnh	Chủ tịch Công ty	Bổ nhiệm ngày 25/9/2019
Ông Lê Văn Khắc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/12/2019
Ông Bùi Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/6/2016
Ông Lê Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/7/2020
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/12/2020

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

---

**Phạm Quang Quỳnh**  
Chủ tịch Công ty  
Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2026



Số: 106 /BCKT /TC.2026.VNAA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26/3/2026, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng không bao gồm số liệu của Ban quản lý các dự án công trình thoát nước Hải Phòng.



A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized cursive letters.

**Hoàng Thị Lệ Hòa**  
**Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
4835-2025-150-1

**Phạm Thị Chinh Nương**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
5740-2023-150-1

**Thay mặt và đại diện**  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VIỆT NAM TẠI HẢI PHÒNG**  
*Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2026*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Mẫu số B 01 - DN  
Đơn vị tính: VND

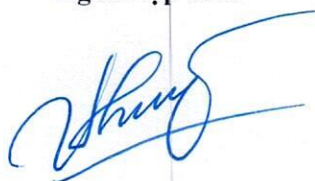
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
<b>A.TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>95.566.375.378</b>	<b>94.226.256.460</b>
<b>I.Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>62.054.948.810</b>	<b>38.304.651.974</b>
1.Tiền	111	5	62.054.948.810	38.304.651.974
<b>III.Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.103.488.802</b>	<b>55.142.322.963</b>
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.090.937.180	46.636.917.873
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.488.588.657	389.550.000
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	9	2.656.413.965	8.248.306.090
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(132.451.000)	(132.451.000)
<b>IV.Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.407.937.766</b>	<b>778.513.523</b>
1.Hàng tồn kho	141	10	2.407.937.766	778.513.523
<b>V.Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>768.000</b>
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	768.000
3.Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16.2	-	-
<b>B.TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.913.306.489</b>	<b>15.045.787.809</b>
<b>II.Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.575.940.673</b>	<b>14.654.259.364</b>
1.Tài sản cố định hữu hình	221	13	12.575.940.673	14.654.259.364
-Nguyên giá	222		81.516.013.236	81.516.013.236
-Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.940.072.563)	(66.861.753.872)
3.Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
-Nguyên giá	228		187.080.850	187.080.850
-Giá trị hao mòn lũy kế	229		(187.080.850)	(187.080.850)
<b>VI.Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>337.365.816</b>	<b>391.528.445</b>
1.Chi phí trả trước dài hạn	261	11	337.365.816	391.528.445
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>108.479.681.867</b>	<b>109.272.044.269</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN  
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
<b>C.NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>72.020.286.908</b>	<b>74.830.744.267</b>
<b>I.Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.020.286.908</b>	<b>74.830.744.267</b>
1.Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.175.537.294	27.762.198.682
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	4.200.000	32.430.200
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.702.818.091	2.446.404.289
4.Phải trả người lao động	314		24.371.690.751	14.416.455.600
5.Chỉ phí phải trả ngắn hạn	315	17	19.527.789.020	20.836.695.216
9.Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.109.476.786	2.305.898.419
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	6.832.614.665	4.895.582.176
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.296.160.301	2.135.079.685
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.459.394.959</b>	<b>34.441.300.002</b>
<b>I.Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>36.094.413.611</b>	<b>34.043.138.518</b>
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.118.638.410	32.118.638.410
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		98.496.346	98.496.346
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.877.278.855	1.826.003.762
-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.189.376.489	(30.785.908)
-LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.687.902.366	1.856.789.670
<b>II.Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>364.981.348</b>	<b>398.161.484</b>
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		364.981.348	398.161.484
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>108.479.681.867</b>	<b>109.272.044.269</b>

Người lập biểu



Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Bùi Diệu Linh

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Chủ tịch Công ty



Phạm Quang Quỳnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2025

Mẫu số B 02 - DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	134.429.594.151	130.254.559.314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	134.429.594.151	130.254.559.314
4. Giá vốn hàng bán	11	22	113.157.169.634	110.649.866.721
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21.272.424.517	19.604.692.593
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	96.175.970	82.029.694
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	19.214.411.324	17.389.661.728
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		2.154.189.163	2.297.060.559
11. Thu nhập khác	31	24	6.863.568	56.302.896
12. Chi phí khác	32	26	40.959.248	25.901.228
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(34.095.680)	30.401.668
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.120.093.483	2.327.462.227
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	432.191.117	470.672.557
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.687.902.366	1.856.789.670

Người lập biểu



Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Bùi Diệu Linh

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Chủ tịch Công ty



Phạm Quang Quỳnh

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH**  
(Theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính)

Mẫu số 02 B - DN  
Đơn vị tính: VND

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước-chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
A	B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
<b>I</b>	<b>Thuế</b>	<b>10</b>				
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	2.132.940.142	7.216.023.722	6.874.553.457	2.474.410.407
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	260.672.557	566.089.049	613.897.932	212.863.674
3	Các khoản thuế khác	19	52.791.590	132.990.477	170.238.057	15.544.010
	Thuế thu nhập cá nhân		52.791.590	129.990.477	167.238.057	15.544.010
	Thuế môn bài		-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>TỔNG CỘNG (40=10)</b>	<b>40</b>	<b>2.446.404.289</b>	<b>7.915.103.248</b>	<b>7.658.689.446</b>	<b>2.702.818.091</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2026

  
Trần Thị Thúy

  
Bùi Diệu Linh



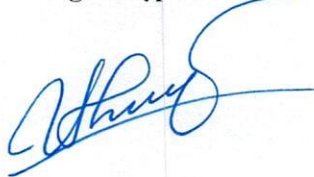
Phạm Quang Quỳnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2025

Mẫu số B 03 - DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		167.210.379.800	159.892.115.202
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(71.390.126.323)	(67.822.757.805)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(49.728.161.425)	(46.564.196.155)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(613.897.932)	(357.124.294)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.780.569.680	104.272.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23.604.642.934)	(25.347.715.082)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>23.654.120.866</b>	<b>19.904.593.866</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.248.622.222)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	96.175.970	82.029.694
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>96.175.970</b>	<b>(1.166.592.528)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50=20+30+40)	<b>50</b>		<b>23.750.296.836</b>	<b>18.738.001.338</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	38.304.651.974	19.566.650.636
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70=50+60+61)	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>62.054.948.810</b>	<b>38.304.651.974</b>

Người lập biểu



Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Bùi Diệu Linh

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Chủ tịch Công ty




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng được chuyển đổi từ Công ty Thoát nước Hải Phòng theo Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0200149705 ngày 30/6/2010, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 23/9/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 31.020.000.000 VND.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất và dịch vụ.****1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Thoát nước và xử lý nước thải
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Trồng cây hàng năm khác
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Hoạt động tư vấn quản lý
- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Nuôi trồng thủy sản biển
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Trụ sở chính của Công ty: Số 01 Lý Tự Trọng, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** trong vòng 12 tháng.

**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:** Công ty có Ban quản lý Dự án các công trình thoát nước Hải Phòng trực thuộc được thành lập theo Quyết định số 385/QĐ-TCCQ ngày 08/3/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** có thể so sánh được.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.2 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, bao gồm: các khoản tạm ứng và các khoản phải thu khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản phẩm được tính theo phương pháp giản đơn.

**4.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 11 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	08 năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và phần mềm quản lý nhân sự được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 04 năm, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

**4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là chi phí thuê văn phòng, công cụ dụng cụ, và chi phí thiết bị văn phòng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 - 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm và các khoản khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**4.8 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm trích trước giá vốn của các dịch vụ đã cung cấp.

**4.9 Dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền bảo hành các công trình đã thực hiện trong kỳ với tỉ lệ ước tính 5% trên giá trị công trình.

**4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm là vốn góp của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.11 Doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính* là tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Thu nhập khác* phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong năm.

**4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...)

**4.14 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**4.15 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các thành viên trong Ban Giám đốc là các cá nhân có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Theo đó, các cá nhân này là bên liên quan đối với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 29.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	1.618.652.000	561.865.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	60.436.296.810	37.742.786.974
<b>Cộng</b>	<b>62.054.948.810</b>	<b>38.304.651.974</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.090.937.180</b>	<b>46.636.917.873</b>
Các khoản phải thu khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	25.015.685.922	45.355.715.050
<i>Sở Xây Dựng</i>	25.015.685.922	45.355.715.050
Các khoản phải thu của khách hàng khác	1.075.251.258	1.281.202.823

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>(132.451.000)</b>	<b>(132.451.000)</b>
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(132.451.000)</b>	<b>(132.451.000)</b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.488.588.657</b>	<b>389.550.000</b>
Các khoản trả trước người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	1.796.538.380	245.850.000
<i>Công ty TNHH Cừ thép Hải Phòng</i>	439.688.380	-
<i>Công ty TNHH thương mại và công nghiệp Trung Kiên</i>	431.000.000	-
<i>Công ty TNHH Tân Thành Duy</i>	400.000.000	-
<i>Công ty TNHH môi trường Hải Phòng Xanh</i>	280.000.000	-
<i>Công ty CP Đầu tư DKH Việt Nam</i>	245.850.000	245.850.000
Các khoản trả trước khác	692.050.277	143.700.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	2.656.413.965	-	8.248.306.090	-
Tạm ứng	2.644.904.000	-	8.186.904.000	-
Phải thu khác	11.509.965	-	61.402.090	-

## 10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	845.102.035	-	683.441.470	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.562.835.731	-	95.072.053	-
<b>Cộng</b>	<b>2.407.937.766</b>	<b>-</b>	<b>778.513.523</b>	<b>-</b>

## 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dài hạn	337.365.816	391.528.445
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.099.454	75.820.605
Thiết bị văn phòng	300.266.362	315.707.840

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	187.080.850	187.080.850
Số cuối năm	187.080.850	187.080.850
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	187.080.850	187.080.850
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	187.080.850	187.080.850
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MÃ SỐ B09 - DN

## 13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2025	27.397.621.763	19.945.959.703	33.682.663.407	489.768.363		81.516.013.236
Tăng trong năm	-	-	-	-		-
Mua sắm mới	-	-	-	-		-
Tăng khác	-	-	-	-		-
Giảm trong năm	-	-	-	-		-
Tại ngày 31/12/2025	27.397.621.763	19.945.959.703	33.682.663.407	489.768.363		81.516.013.236
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2025	18.297.039.051	19.022.505.384	29.102.183.609	440.025.828		66.861.753.872
Tăng trong năm	906.244.824	373.588.782	766.434.732	32.050.353		2.078.318.691
Khấu hao trong năm	906.244.824	373.588.782	766.434.732	32.050.353		2.078.318.691
Tăng khác	-	-	-	-		-
Giảm trong năm	-	-	-	-		-
Tại ngày 31/12/2025	19.203.283.875	19.396.094.166	29.868.618.341	472.076.181		68.940.072.563
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2025	9.100.582.712	923.454.319	4.580.479.798	49.742.535		14.654.259.364
Tại ngày 31/12/2025	8.194.337.888	549.865.537	3.814.045.066	17.692.182		12.575.940.673

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.175.537.294</b>	<b>27.762.198.682</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 5% trở lên trên tổng phải trả người bán	1.566.541.200	-
<i>Công ty TNHH tâm nhìn xanh Việt Nam</i>	<i>927.816.200</i>	-
<i>Công ty TNHH phát triển công nghiệp Gia Nguyễn</i>	<i>638.725.000</i>	-
Các khoản phải trả người bán khác	12.608.996.094	27.762.198.682

## 15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.200.000</b>	<b>32.430.200</b>
Các khoản người mua trả tiền trước chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả người bán	4.200.000	-
<i>Công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng</i>	<i>4.200.000</i>	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	-	32.430.200

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	2.132.940.142	7.216.023.722	6.874.553.457	2.474.410.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	260.672.557	566.089.049	613.897.932	212.863.674
Thuế thu nhập cá nhân	52.791.590	129.990.477	167.238.057	15.544.010
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.446.404.289</b>	<b>7.915.103.248</b>	<b>7.658.689.446</b>	<b>2.702.818.091</b>
<i>Trong đó:</i>				
Phải nộp	2.446.404.289			2.702.818.091

(\*) Số phải nộp trong năm là số sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng được khấu trừ 3.705.615.812 VND.

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.527.789.020</b>	<b>20.836.695.216</b>
Trích trước chi phí các công trình đã phát sinh trong năm nhưng chưa có đủ hóa đơn, chứng từ	19.527.789.020	20.836.695.216

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.109.476.786</b>	<b>2.305.898.419</b>
Kinh phí công đoàn	180.119.453	738.193.436
Bảo hiểm xã hội	2.052.823.411	969.877.083
Bảo hiểm y tế	362.606.869	169.569.521
Bảo hiểm thất nghiệp	161.005.740	76.054.466
Các khoản phải trả, phải nộp khác	352.921.313	352.203.913

## 19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.832.614.665</b>	<b>4.895.582.176</b>
Dự phòng bảo hành công trình	6.832.614.665	4.895.582.176

## 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	32.118.638.410	98.496.346	1.245.107.336	33.462.242.092
Tăng trong năm trước	-	-	2.176.151.952	2.176.151.952
Lãi trong năm	-	-	1.856.789.670	1.856.789.670
Tăng khác	-	-	319.362.282	319.362.282
Giảm trong năm nay	-	-	1.595.255.526	1.595.255.526
Giảm khác	-	-	1.595.255.526	1.595.255.526
Số dư cuối năm trước	32.118.638.410	98.496.346	1.826.003.762	34.043.138.518
Số dư đầu năm nay	32.118.638.410	98.496.346	1.826.003.762	34.043.138.518
Tăng trong năm nay	-	-	2.191.224.970	2.191.224.970
Lãi trong năm	-	-	1.687.902.366	1.687.902.366
Tăng khác (*)	-	-	503.322.604	503.322.604
Giảm trong năm nay	-	-	139.949.877	139.949.877
Giảm khác (**)	-	-	139.949.877	139.949.877
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>32.118.638.410</b>	<b>98.496.346</b>	<b>3.877.278.855</b>	<b>36.094.413.611</b>

(\*) Tăng khác trong năm nay cụ thể như sau:

**Tăng khác (\*) :**

- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế những kỳ trước do giảm khoản chi phí trích trước năm 2023 nhưng thực tế chưa chi trả căn cứ theo Biên bản làm việc và Quyết định xử phạt số 784/QĐ-TTTP ngày 30/09/2025 của Thanh tra Thành phố Hải Phòng

Số tiền

412.312.604

- Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế những kỳ trước do giảm khoản chi phí khấu hao TSCĐ trích thừa căn cứ theo Biên bản làm việc và Quyết định xử phạt số 784/QĐ-TTTP ngày 30/09/2025 của Thanh tra Thành phố Hải Phòng

91.010.000

**Tổng cộng****503.322.604**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

(\*) Giảm khác trong năm nay cụ thể như sau:

**Giảm khác (\*\*):**

- Số thuế GTGT đã nộp bổ sung căn cứ theo Biên bản làm việc và Quyết định xử phạt số 784/QĐ-TTTP ngày 30/09/2025 của Thanh tra Thành phố Hải Phòng

Số tiền

6.051.945

- Số thuế TNDN đã nộp bổ sung căn cứ theo Biên bản làm việc và Quyết định xử phạt số 784/QĐ-TTTP ngày 30/09/2025 của Thanh tra Thành phố Hải Phòng

133.897.932

**Tổng cộng****139.949.877**

## 21. DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>134.429.594.151</b>	<b>130.254.559.314</b>
Doanh thu quản lý thường xuyên và công trình sự nghiệp	133.002.159.260	127.581.522.685
Doanh thu dịch vụ công trình ngoài	1.427.434.891	2.673.036.629
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>134.429.594.151</b>	<b>130.254.559.314</b>

## 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn quản lý thường xuyên và công trình sự nghiệp	111.733.160.666	108.529.226.964
Giá vốn dịch vụ công trình ngoài	1.424.008.968	2.120.639.757
<b>Cộng</b>	<b>113.157.169.634</b>	<b>110.649.866.721</b>

## 23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	96.175.970	82.029.694
<b>Cộng</b>	<b>96.175.970</b>	<b>82.029.694</b>

## 24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thanh lý vật tư, công cụ hỏng	-	12.900.000
Thu nhập do điều chỉnh công nợ	6.863.568	43.402.896
<b>Cộng</b>	<b>6.863.568</b>	<b>56.302.896</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>19.214.411.324</b>	<b>17.389.661.728</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	18.249.499.419	16.381.469.727
Chi phí nhân viên quản lý	12.801.044.383	10.982.533.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.302.051.111	1.612.467.934
Chi phí khác bằng tiền	4.146.403.925	3.786.468.010
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	964.911.905	1.008.192.001

## 26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phạt vi phạm hành chính về thuế	40.862.104	25.900.556
Chi phí khác	97.144	672
<b>Cộng</b>	<b>40.959.248</b>	<b>25.901.228</b>

## 27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán (1)</b>	<b>2.120.093.483</b>	<b>2.327.462.227</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</b>	<b>40.862.104</b>	<b>25.900.556</b>
Phạt vi phạm hành chính thuế	40.862.104	25.900.556
<b>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lỗi năm trước chuyển sang (4)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)-(4)</b>	<b>2.160.955.587</b>	<b>2.353.362.783</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (7)=(5)x(6)</b>	<b>432.191.117</b>	<b>470.672.557</b>

## 28. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban giám đốc	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Phạm Quang Quỳnh	385.211.100	341.466.000
Ông Lê Văn Khắc	315.599.500	290.634.300
Ông Bùi Văn Thắng	271.378.900	256.509.500
Ông Lê Văn Đông	268.438.000	247.918.500
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	269.116.800	251.103.100

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

## 29. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2025 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

## 30. SỐ LIỆU SO SÁNH

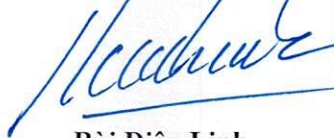
Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kế toán, Kiểm toán Việt Nam tại Hải Phòng và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu



Trần Thị Thúy

Kế toán trưởng



Bùi Diệu Linh

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2026



Chủ tịch Công ty

Phạm Quang Quỳnh

